

Bản án số: 104/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 04/5/2026

“Về ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Trọng.

Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Đăng Ký và Ông Bùi Đình Sỹ.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Bích - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Lĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2026, tại Hội trường Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 21/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2026 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/3/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2026/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3- Hà Tĩnh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị Th, Sinh năm 1993. Căn cước công dân số 042193006xxx. Địa chỉ: Thôn B, xã C, tỉnh Hà Tĩnh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn H. Sinh năm 1993. Căn cước công dân số 042093017xxx. Địa chỉ: Thôn B, xã C, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị Th trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Th và anh Trần Văn H kết hôn với nhau vào ngày 11/4/2014 tại UBND xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là xã C, tỉnh Hà Tĩnh). Hôn nhân tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn 02 người sang Hàn Quốc làm ăn, sinh sống và có con chung, đến năm 2021 vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tính cách, lối sống của vợ chồng không hòa hợp. Năm 2024 chị Th về Việt Nam, anh H ở lại Hàn Quốc, từ đó hai người cách xa nhau, không còn quan tâm, không còn tình

cảm với nhau nên đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay, mỗi người tự lo cuộc sống của mình, thiếu sự quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị Th xác định mâu thuẫn đã quá trầm trọng không thể hàn gắn, tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau để xây dựng H phúc gia đình nên yêu cầu tòa án giải quyết cho chị Th được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Đức B, sinh ngày: 01/02/2017 và Trần Đức M, sinh ngày 27/8/2020. Từ khi vợ chồng sống ly thân nhau đến nay các con ở với chị và do chị nuôi dưỡng. Nay chị có nguyện vọng được nuôi các con đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Trần Văn H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hoàng Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Hoàng Thị Th có đơn yêu cầu Tòa án không hòa giải vụ án và xét xử vắng mặt.

* *Đối với bị đơn anh Trần Văn H:* Theo kết quả xác minh tại Công văn số 288/QLXNC- Đ1 ngày 05/02/2026 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Hà Tĩnh thể hiện: “Anh Trần Văn H, sinh ngày 06/01/1993, đã xuất cảnh ngày 12/5/2014 qua cửa khẩu SBQT Nội Bài bằng HC số B4876715, không thấy thông tin nhập cảnh về nước”.

Vì vậy, sau khi thụ lý để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của anh Trần Văn H và đảm bảo việc giải quyết vụ án đúng theo pháp luật, ngoài việc tổng đạt các văn bản tố tụng qua gia đình tại địa chỉ thường trú của anh H ở Thôn B, xã C, tỉnh Hà Tĩnh; Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, kênh thông tin của Ban đối ngoại (VOV5) cho anh Trần Văn H biết, cụ thể đã đăng 03 lần trong 03 ngày liên tiếp (11h00 ngày 24/02/2026, 16h00 ngày 25/02/2026 và 10h00 ngày 26/02/2026) để anh H về giải quyết vụ án. Tuy nhiên, anh Trần Văn H không có mặt theo thông báo của Tòa án và không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Th.

Tại biên bản xác minh ngày 26/02/2026 và 23/03/2026, ông Trần Đức H trình bày: Ông là bố đẻ của anh Trần Văn H: Anh Trần Văn H và chị Hoàng Thị Th tự nguyện đăng ký vào ngày 11/4/2014 tại UBND xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là xã C, tỉnh Hà Tĩnh). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì anh H đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài đến nay chưa về nước. Ông và anh H vẫn thường xuyên liên lạc với nhau qua mạng xã hội Facebook, zalo nhưng anh H làm công việc gì, tại địa chỉ cụ thể của nước nào thì anh không thông báo cho ông biết. Sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án ông đã thông báo lại cho anh H được biết việc chị Hoàng Thị Th đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án. Anh H có trình bày quan điểm về các yêu cầu của chị Th, cụ thể: về hôn nhân, Anh H đồng ý ly hôn với chị Th; về con chung, vợ chồng có 02 người con là cháu Trần Đức B, sinh ngày: 01/02/2017 và Trần Đức M, sinh ngày 27/8/2020, sau khi ly hôn giao cho mẹ là Hoàng Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; về cấp dưỡng

nuôi con, vợ chồng tự thỏa thuận; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Tĩnh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại 02 phiên tòa xét xử là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, khoản 1 Điều 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 122, 123, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Th

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Hoàng Thị Th ly hôn anh Trần Văn H.

Về con chung: Giao các con chung là cháu Trần Đức B, sinh ngày: 01/02/2017 và Trần Đức M, sinh ngày 27/8/2020 cho chị Hoàng Thị Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Anh Trần Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Buộc chị Hoàng Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Hoàng Thị Th có đơn khởi kiện gửi đến Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Trần Văn H. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì anh Trần Văn H có nơi đăng ký thường trú tại Thôn B, xã C, tỉnh Hà Tĩnh nên Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Tĩnh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, 123 và 127 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Chị Hoàng Thị Th có đơn yêu cầu không hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án chị Hoàng Thị Th có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị Th:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Th kết hôn với anh Trần Văn H trên cơ sở tự nguyện, không bị ai lừa dối hay ép buộc, có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 11/4/2014 tại UBND xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là xã C, tỉnh Hà Tĩnh), được thể hiện tại bản trích lục kết hôn số 31/TLKH-BS ngày 21/9/2022 của Ủy ban nhân dân xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh do chị Th giao nộp tại hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân của chị Hoàng Thị Th và anh Trần Văn H là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng đã có thời gian chung sống hòa thuận và có với nhau hai người con chung nhưng H phúc gia đình không xây dựng được lâu dài do hai anh chị có nhiều bất đồng, mâu thuẫn trong cuộc sống, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh H lại không có mặt tại Tòa án để làm việc, cũng không cung cấp được chứng cứ gì về phương án khắc phục tình trạng vợ chồng, qua người thân anh H cũng trình bày quan điểm về việc đồng ý ly hôn chị Th. Hội đồng xét xử thấy, thời gian vợ chồng chung sống với nhau được gần chín năm và đã sống ly thân hơn hai năm; trong suốt thời gian sống ly thân cả hai bên đều không có giải pháp gì để đoàn tụ, anh H hiện đang đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài, vợ chồng cũng không liên lạc gì với nhau; chị Th luôn kiên quyết yêu cầu giải quyết ly hôn và anh H đồng ý chứng tỏ tình trạng vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị Th yêu cầu giải quyết ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; nên chấp nhận.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Theo lời khai của chị Th và các tài liệu thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án thì chị Th, anh H có hai con chung là cháu Trần Đức B, sinh ngày: 01/02/2017 và Trần Đức M, sinh ngày 27/8/2020. Hiện nay các cháu đều đang ở cùng với chị Th, chị Th yêu cầu sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Bình và Mạnh và không yêu cầu anh Trần Văn H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì việc nuôi con chung chưa thành niên sau ly hôn là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, từ khi anh H đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài đến nay cháu đã ở ổn định với chị Th, được chăm sóc, phát triển khỏe mạnh, bình thường nên yêu cầu được nuôi con của chị là hoàn toàn chính đáng và phù hợp quy định của pháp luật. Mặt khác, anh H hiện nay đang ở nước ngoài và cũng đồng ý việc giao 02 con chung cho chị Th nuôi dưỡng. Con chung Trần Đức B

(trên 7 tuổi) cũng có đơn nguyện vọng muốn được ở với mẹ do đó cần giao 02 con chung cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình là phù hợp với hoàn cảnh thực tế về việc nuôi con và phù hợp với điều kiện của các bên. Chị Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con nhưng không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Toà án không xem xét.

Anh Trần Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hoàng Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị Th phải chịu án phí sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 207, 227, 228, 238, 266, 271, 273, 278, 280, 469, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 122, 123, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị Th được ly hôn anh Trần Văn H.

2. Về con chung: Giao các con chung là cháu Trần Đức B, sinh ngày: 01/02/2017 và Trần Đức M, sinh ngày 27/8/2020 cho chị Hoàng Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác về nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh Trần Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị Th phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000145 ngày 02/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Anh Trần Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản

án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND khu vực 3;
- UBND xã C;
- Đương sự;
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Huy Trọng

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Đăng KỳBùi Đình Sỹ

